

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Rô

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Khánh

Bà Trịnh Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tinh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Đinh Y Lía- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm đặt tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 5- Quảng Ngãi chi nhánh 2 và điểm cầu thành phần đặt tại Tòa án nhân dân Khu vực 5- Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2025/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-DS ngày 14/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Quảng Ngãi, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 31/3/2025, biên bản hòa giải ngày 13/8/2025, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Văn T tự nguyện yêu nhau, tự nguyện kết hôn chứ không ai bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã T), huyện N, tỉnh Quảng Ngãi, năm 2011.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Nguyên nhân do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới, anh T không lo làm ăn chăm sóc vợ con. Việc mâu thuẫn của hai vợ chồng được hai bên gia đình khuyên giải, nhưng anh T tính nết bất nết không thay đổi. Chị N và anh T không còn sống chung. Chị N đã dẫn các con về nhà mẹ đẻ của chị N ở từ tháng 4/2024 đến nay.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Đặng Văn T.

Về con chung: Hai vợ chồng chị N, anh T có 02 con chung tên Đặng Huy T1, sinh ngày 14/6/2011 và Đặng Ánh N1, sinh ngày 31/5/2015. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị N trình bày không có.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2025, anh Đặng Văn T trình bày:*

- Về hôn nhân, anh T không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với chị N, anh T mong muốn chị N quay về đoàn tụ gia đình.

- Về con chung: Anh Thư trình bày giữa anh T và chị N, có 02 con chung tên Đặng Huy T1, sinh ngày 14/6/2011 và Đặng Ánh N1, sinh ngày 31/5/2015 nếu Tòa án giải quyết buộc ly hôn thì anh T đồng ý giao các con chung Đặng Huy T1 và Đặng Ánh N1 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung. Anh Đặng Văn T tạm thời chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh Đặng Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Anh Đặng Văn T trình bày không có.

** Tại bản ghi ý kiến ngày 22/5/2025 của các cháu Đặng Huy T1 và Đặng Ánh N1 con chung của anh T, chị N trình bày:* Cháu T1, N1 muốn ở với chị N. Trước kia, anh T, chị N thường xuyên mâu thuẫn, có lúc anh T hay nhậu nhẹt về đánh chị N. Nếu chị N, anh T ly hôn, thì cháu T1, cháu N1 muốn ở với chị N vì ở với chị N dễ chăm sóc hơn anh T.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Quảng Ngãi phát biểu quan điểm: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử

ngợi án đã tuân thủ đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 các điều 35, 48, 68, khoản 1 Điều 203, khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đối với người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không ký vào biên bản, vắng mặt không có lý do tại phiên tòa).

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đặng Văn T; về con chung: giao các con chung là Đặng Huy T1, sinh ngày 14/6/2011 và Đặng Ánh N1, sinh ngày 31/5/2015 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết; về án phí: Chị Nguyễn Thị N chịu 300.000 đồng về án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn anh Đặng Văn T có địa chỉ tại thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bị đơn anh Đặng Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, nguyên đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và bị đơn anh Đặng Văn T, các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Văn T kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã T), năm 2011. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của chị N, anh T là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị N với anh T: Theo chị N trình bày thì anh Đặng Văn T đã có hành vi bạo lực gia đình với chị Nguyễn Thị N; chị N và anh T đã ly thân không còn sống chung, chị N đã về nhà mẹ đẻ của chị N sống từ tháng 4/2024 đến nay, giữa chị N và anh T không ai quan tâm, không ai chăm sóc cho ai, nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng nghiêm trọng, đời sống chung giữa chị N và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T trình bày không đồng ý ly hôn, nhưng khi đến Tòa để tham gia phiên hòa giải việc chị N xin ly hôn thì anh T tự ý nửa chừng bỏ về và cũng không đến phiên Tòa xét xử để trình bày ý kiến. Do đó, đề nghị của chị N xin ly hôn anh T là có căn cứ được quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Hai vợ chồng 02 con chung tên Đặng Huy T1, sinh ngày 14/6/2011 và Đặng Ánh N1, sinh ngày 31/5/2015. Chị N có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh Đặng Văn T đồng ý giao 02 con chung là Đặng Huy T1, sinh ngày 14/6/2011 và Đặng Ánh N1, sinh ngày 31/5/2015 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị N tạm thời chưa yêu cầu anh Đặng Văn T2 cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, các điều 235, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên xử: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Đặng Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Đặng Huy T1, sinh ngày 14/6/2011 và Đặng Ánh N1, sinh ngày 31/5/2015 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị N tạm thời không yêu cầu anh Đặng Văn T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) vào tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị N đã nộp theo biên lai số 0004183

ngày 17/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Quảng Ngãi).

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 5 - Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Thiện Tín;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Rô

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 5 - Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Thiện Tín;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Rô

